

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 28-9-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp chia tài
sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Phạm Văn Sáu

2- Bà Lê Ngọc Kiệp

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia
phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh
Bạc Liêu tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:
92/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp chia
tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-
HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Võ Văn L, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp TH, xã VA,
huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Chị Đặng Ngọc L1, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện
V, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh L và chị L1 xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh
Võ Văn L trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị L1 tự nguyện sống chung như vợ chồng và có
tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào ngày 01/01/2021
nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh và chị L1 chung sống với nhau được
khoảng 20 ngày thì không còn sống chung nữa do bất đồng quan điểm. Nay anh
yêu cầu ly hôn với chị L1.

Về con chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh L xác định, trong quá trình tổ chức lễ cưới, hỏi thì phía gia đình anh có cho anh và chị L1 10,5 chỉ vàng 24K và 2,4 chỉ vàng 18K. Khi ly hôn, anh yêu cầu chia số vàng trên. Ngoài ra, anh không còn yêu cầu gì khác. Ngày 24 tháng 9 năm 2021, anh L rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung là 10,5 chỉ vàng 24K và 2,4 chỉ vàng 18K do đã thỏa thuận được với chị L1.

* *Quá trình giải quyết vụ án, chị Đặng Ngọc L1 trình bày:* Chị thống nhất với lời trình bày của anh L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung. Chị đồng ý đối với yêu cầu ly hôn của anh L. Đối với yêu cầu chia tài sản, chị chỉ đồng ý chia đôi 08 chỉ vàng 24K do mẹ của anh L tặng cho. Tuy nhiên, đến ngày 24/9/2021, chị xác định đã thỏa thuận được vấn đề chia tài sản với anh L. Ngoài ra, chị không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:*

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh L. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh L và chị L1 là vợ chồng. Về con chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết. Anh L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Nguyên đơn anh Võ Văn L và bị đơn chị Đặng Ngọc L1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L và chị L1 theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh L khởi kiện yêu cầu ly hôn, chia tài sản khi ly hôn với chị L1 nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị L1 hiện đang cư trú tại huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Anh L và chị L1 tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào ngày 01/01/2021 là sự kiện có xảy ra trên thực tế. Tuy nhiên, quá trình sống chung như vợ chồng anh L và chị L1 không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình: “Việc kết

hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý” và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Đồng thời tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*. Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh L, tuyên bố không công nhận anh L và chị L1 là vợ chồng.

[4] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh L yêu cầu chia tài sản là 10,5 chỉ vàng 24K và 2,4 chỉ vàng 18K. Tuy nhiên, đến ngày 24 tháng 9 năm 2021 anh L rút lại yêu cầu chia tài sản chung do đã thỏa thuận được với chị L1 và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu chia tài sản là 10,5 chỉ vàng 24K và 2,4 chỉ vàng 18K của anh L.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Võ Văn L và chị Đặng Ngọc L1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của anh Võ Văn L về việc chia tài sản là 10,5 chỉ vàng 24K và 2,4 chỉ vàng 18K. Anh L và chị L1 tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Anh Võ Văn L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh L đã nộp tạm ứng án phí 1.368.000 đồng (Một triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000554 ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được chuyển thu án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và được hoàn 1.068.000 đồng (Một triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Án xử công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
ĐÃ KÝ**

Nguyễn Duy Khanh